

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Mến** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

Họ và tên: **L.V.T**; sinh năm 1972 tại tỉnh V.L; nơi đăng ký thường trú: 242/43/42/6/3 A.D.V P.16, Q.8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L.V.L (chết) và bà T.A.T; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Ông N.V.H, sinh năm 1965. (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Bà **L.T.H**, sinh năm 1967. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông **L.N.T.H1**, sinh năm 1996. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông **L.N.T.H2**, sinh năm 1999. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 445/16 T.X.S, T15, Kp 3, phường T.H, Q.7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **N.V.T**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: 75/38/7 đường D9, phường T.T, quận T.P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **T.V.N**, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ: 439/35 H.H.L, Kp 2, p.A.L, q.B.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **N.T.T**, sinh năm 1985. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 50/01/10 L.C.H, p.T.T, q.T.P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/4/2021, L.V.T điều khiển xe ô tô biển số: 51C - 324.76 lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng từ cầu vượt A.S đến trạm thu phí A.L. Khi đến trước nhà địa chỉ: 60/7D ấp N L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh, Tâm điều khiển xe ô tô vượt lên xe mô tô 03 bánh biển số: 60Y2 - 5371 do N.V.H điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều. Cạnh phía trước thùng xe ô tô biển số: 51C - 324.76 va chạm vào đuôi bên trái xe mô tô 03 bánh biển số: 60Y2 - 5371 làm xe mô tô 03 bánh lao về phía trước đụng vào đuôi xe ô tô biển số: 51D - 662.25 do N.V.T điều khiển đang dừng phía trước cùng chiều gây tai nạn.

Hậu quả: N.V.H chết tại hiện trường vụ án, 03 xe liên quan bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 484/TT.21 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: N.V.H chết do đa chấn thương.

Tại Văn bản số: 484-GT/TT.21 ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải thích pháp y nạn nhân N.V.H xác định:

- Thương tích trên người nạn nhân N.V.H hình thành khi xảy ra va chạm giữa các xe trong vụ tai nạn giao thông.

- Không có cơ sở khẳng định các thương tích xảy ra trước hay sau khi xe của H va chạm vào xe ô tô biển số: 51D - 662.25.

- Các thương tích trên người nạn nhân N.V.H do tác động bởi vật tày hoặc tiếp xúc với vật tày gây ra.

Tại kết luận giám định số 2223/C09B ngày 19/4/2021 của Viện khoa học hình sự kết luận:

- Dấu vết bên phải xe ô tô biển số 51C-324.76 (trượt xước, biến dạng, bám chất màu xanh bên phải phía trước và phía trước bên phải thùng xe, khung kim loại bảo hiểm bên phải) có chiều hướng từ trước về sau phù hợp với dấu vết bên trái phía sau và bên trái xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371, dấu vết bên trái phía sau và bên trái xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 (trượt xước, biến

dạng, mất sơn màu xanh mặt ngoài các chi tiết: chốt khóa cửa sau thùng xe, khung kim loại thùng xe, cửa bên trái, chốt khóa phía sau và phía trước cửa bên trái thùng xe) có chiều từ sau về trước; xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 va chạm với xe ô tô biển số 51C-324.76 ở trạng thái thẳng đứng.

- Dấu vết phía trước bên trái và bên trái xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 (trượt xước, biến dạng, bám chất màu xanh lá mặt ngoài tay thắng, tay lái, bình xăng; trượt xước, biến dạng, mất sơn màu xanh dương mặt ngoài phía trước mái che mát, khung kim loại thùng xe, cửa trước thùng xe, chốt khóa cửa thùng xe) có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết bên phải phía sau và phía sau bên phải xe ô tô biển số 51D-662.25, dấu vết bên phải phía sau và phía sau bên phải xe ô tô biển số 51D-662.25 (trượt xước, biến dạng, mất sơn màu xanh lá, bám chất màu xanh dương mặt ngoài khung kim loại thùng xe, cửa sau, chốt khóa cửa sau thùng xe và phía sau cửa bên phải thùng xe) có chiều hướng từ sau về trước.

Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định:

- Khi va chạm, xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 lưu thông trên Quốc lộ 1A hướng Cầu vượt A.S đi hướng Trạm thu phí A.L, xe ô tô biển số 51C-324.76 lưu thông bên trái cùng chiều với xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371, xe ô tô biển số 51D-662.25 đỗ ở lề phải Quốc lộ 1A, đầu xe hướng về Trạm thu phí A.L, đuôi xe hướng về Cầu vượt A.S.

- Vị trí va chạm giữa ba phương tiện chiều xuống mặt đường nằm ở làn đường thứ 1 trên Quốc lộ 1A (làn đường rộng 6 mét)

- Khi va chạm, xe ô tô biển số 51C-324.76 chuyển động nhanh hơn xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371. (bút lục 106)

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông là do:

L.V.T điều khiển xe ô tô biển số 51C-324.76 lưu thông vượt xe phía trước cùng chiều không đảm an toàn, không đúng quy định đã để cạnh phía trước của thùng xe bên phải đụng vào đuôi xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 do N.V.H điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều làm xe mô tô ba bánh lao về phía trước đụng vào bên phải đuôi xe ô tô biển số 51D-662.25 do N.V.T điều khiển đang dừng sát lề phía trước cùng chiều. Hành vi này vi phạm Điều 14 Luật Giao thông đường bộ và có lỗi chính

N.V.T dừng xe nơi có biển báo cấm dừng, cấm đỗ, vi phạm vào Điều 11 Luật Giao thông đường bộ. Tuy nhiên, do không có cơ sở khẳng định các thương tích xảy ra trước hay sau khi xe của H va chạm vào xe ô tô biển số 51D-662.25 nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với N.V.T

N.V.H điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 không có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm Điều 8, Điều 58 Luật giao thông đường bộ, lỗi hành chính.

Về dân sự, tài xế L.V.T và tài xế N.V.T hỗ trợ cho gia đình nạn nhân N.V.H số tiền 100.000.000đồng, gia đình nạn nhân đã có đơn bãi nại đối với T và T

Tại Bản cáo trạng số: 183/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo L.V.T ra trước Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo L.V.T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Về xử lý vật chứng:

- Xe ô tô biển số 51C-324.76, qua xác minh do ông T.V.N đứng tên chủ sở hữu, L.V.T là lái xe cho ông N. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu; nên không yêu cầu xem xét.

- Xe ô tô biển số 51D-662.25, qua xác minh do ông N.T.L đứng tên chủ sở hữu. Ông N.T.L bán xe cho ông N.T.T nhưng làm hợp đồng ủy quyền. N.V.T là lái xe cho ông T, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho ông N.T.T; nên không yêu cầu xem xét.

- Xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371, số khung HKZ1C009612, số máy 162MK-2*1G005721. Qua xác minh biển số 60Y2-5371 là loại xe mô tô 02 bánh có số khung 004265, số máy 234265, xe do ông L.H.S đứng tên chủ sở hữu. Do ông S già yếu nên đã ủy quyền cho con trai là L.H.V làm việc với Cơ quan điều tra, ông V khai năm 2004, gia đình kinh doanh buôn bán xe máy nên có nhập xe mô tô biển số 60Y2-5371 là xe do T.Q sản xuất và đã bán xe cho người khác, không xác định được họ tên, nơi ở của người mua. Kết quả giám định số khung HKZ1C009612, số máy 162MK-2*1G005721 trước và sau giám định không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy không thấy trong dữ liệu tra cứu của Cảnh sát giao thông. Cơ quan điều tra đã ra đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có người đến liên hệ làm việc. Đề nghị giao Chi cục thi hành án dân sự xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo L.V.T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì gia đình bị cáo có bị cáo là lao động chính chăm lo cho gia đình, gia đình bị cáo rất khó khăn. Từ sau khi dịch

bệnh covid - 19 bị cáo mắc bệnh hiện sức khỏe kém, thường xuyên phải vào bệnh viện để chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H.M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phân hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/4/2021, L.V.T điều khiển xe ô tô biển số 51C-324.76 lưu thông trên Quốc lộ 1A hướng từ Cầu vượt A.S đến trạm thu phí A.L. Khi đến trước nhà số 60/7D ấp N.L, xã B.Đ, huyện H.M, T điều khiển xe ô tô biển số 51C-324.76 lưu thông vượt xe phía trước cùng chiều không đảm an toàn, không đúng quy định đã để cạnh phía trước của thùng xe bên phải đụng vào đuôi xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371 do N.V.H điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều làm xe mô tô ba bánh lao về phía trước đụng vào bên phải đuôi xe ô tô biển số 51D-662.25 do N.V.T điều khiển đang dừng sát lề phía trước cùng chiều và có lỗi chính làm nạn nhân H tử vong. Hành vi của L.V.T đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ vi phạm Điều 14 Luật Giao thông đường bộ.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Bản cáo trạng số: 183/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo L.V.T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;...”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi vô ý, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm hại đến tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin bãi nại và có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình và gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương p.16, Q.8, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M cho bị cáo L.V.T được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô biển số: 51C-324.76 và 01 xe ô tô biển số: 51D - 662.25, Cơ quan điều tra Công an huyện H.M đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371, số khung HKZ1C009612, số máy 162MK-2*1G005721. Qua xác minh biển số 60Y2-5371 là loại xe mô tô 02 bánh có số khung 004265, số máy 234265, xe do ông L.H.S đứng tên chủ sở hữu. Do ông S già yếu nên đã ủy quyền cho con trai là L.H.V làm việc với Cơ quan điều tra, ông V khai năm 2004, gia đình kinh doanh buôn bán xe máy nên có nhập xe mô tô biển số 60Y2-5371 là xe do Trung Quốc sản xuất và đã bán xe cho người khác, không xác định được họ tên, nơi ở của người mua. Kết quả giám định số khung HKZ1C009612, số máy 162MK-2*1G005721 trước và sau giám định không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy không thấy trong dữ liệu tra cứu của Cảnh sát giao thông. Cơ quan điều tra đã ra đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có người đến liên hệ làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M đăng tải trên các phương tiện

thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp của xe gắn máy trên. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe gắn máy cho họ. Trong trường hợp quá thời hạn 06 tháng mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại ông L.N.T.H1 xác định đã được phía bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng từ bị cáo và tài xế N.V.Tnên không có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T.V.N là chủ xe ô tô biển số 51C-324.76 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Năm là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô biển số 51C-324.76, hồ sơ thể hiện ông N không có yêu cầu gì và đã được nhận lại xe, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông N.V.T, ông N.T.T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Tâm là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô biển số: 51D - 662.25. Ông T và ông T đã cùng bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại, ông T đã nhận lại xe ô tô biển số: 51D - 662.25 và không có yêu cầu gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 14 Luật Giao thông đường bộ;

Tuyên bố bị cáo **L.V.T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo L.V.T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/3/2022.

Giao bị cáo L.V.T cho Ủy ban nhân dân P.16, Q.8, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo L.V.T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

(Bị cáo L.V.T đã được giải thích về chế định án treo).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 (sáu) tháng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) Xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-5371, số khung HKZ1C009612, số máy 162MK-2*1G005721. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại tài sản trên cho họ. Trong trường hợp quá thời hạn 06 (sáu) tháng mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc bị cáo L.V.T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Sơn Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Trịnh Hồng Hải